

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **764** /BCT-TCCB

V/v góp ý dự thảo Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành công thương và định mức biên chế trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành công thương

Hà Nội, ngày **08** tháng 02 năm 2021

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức, theo trách nhiệm được giao, Bộ Công Thương xây dựng dự thảo Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành công thương và định mức biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức thuộc ngành công thương.

Để đảm bảo trình tự, thủ tục xây dựng Thông tư theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Công Thương trân trọng gửi Quý Cơ quan dự thảo Thông tư nói trên (dự thảo Thông tư được đăng trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương tại mục “*Lấy ý kiến - Góp ý dự thảo VBQPPL*”), đề nghị Quý cơ quan nghiên cứu và tham gia ý kiến.

Ý kiến bằng văn bản của Quý Cơ quan đối với dự thảo Thông tư gửi về Bộ Công Thương (thông qua Vụ Tổ chức cán bộ), đồng thời gửi bản mềm theo địa chỉ hòm thư phapdx@moit.gov.vn **trước ngày 25 tháng 02 năm 2021** để kịp thời tổng hợp, tiếp thu và hoàn chỉnh.

Bộ Công Thương rất mong nhận được sự phối hợp của Quý Cơ quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, TCCB.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Cao Quốc Hưng

Số: /2021/TT-BCT

Hà Nội, ngày tháng 3 năm 2021

DỰ THẢO

THÔNG TƯ

Hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành công thương và định mức biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức thuộc ngành công thương

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ; Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 04 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP.

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ tại Công văn số /BNV-TCBC ngày tháng 3 năm 2021;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành công thương và định mức biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức thuộc ngành công thương.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này hướng dẫn việc xác định vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành công thương và định mức biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức thuộc ngành công thương từ Trung ương đến cấp huyện.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức sau:

1. Các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Bộ Công Thương.
2. Các cơ quan chuyên môn về công thương thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) và các cơ quan chuyên môn về công thương thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện).

Điều 3. Nguyên tắc, căn cứ xác định vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành công thương

1. Nguyên tắc xác định vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành công thương

a) Tuân thủ các quy định chung của Đảng và pháp luật của Nhà nước về vị trí việc làm.

b) Việc xác định vị trí việc làm phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan, tổ chức thuộc ngành công thương.

c) Mỗi vị trí việc làm gắn với chức vụ hoặc ngạch công chức và nội dung công việc phải cụ thể, rõ ràng.

d) Đảm bảo một người có thể đảm nhiệm một hoặc nhiều vị trí việc làm; một vị trí việc làm có thể do một hoặc nhiều người đảm nhiệm, nhưng phải có người chịu trách nhiệm chính.

đ) Bảo đảm thống nhất, đồng bộ giữa xác định vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức với sử dụng và quản lý biên chế công chức.

e) Bảo đảm tính khoa học, khách quan, công khai, minh bạch, dân chủ và phù hợp với thực tiễn.

2. Căn cứ xác định vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành công thương

a) Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của cơ quan, tổ chức thuộc ngành công thương.

b) Mức độ phức tạp, tính chất, đặc điểm, quy mô hoạt động; phạm vi, đối tượng phục vụ; quy trình quản lý chuyên môn, nghiệp vụ thuộc chuyên ngành công thương của cơ quan, tổ chức.

c) Nhóm vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành công thương quy định tại Điều 6 Thông tư này.

d) Tình hình thực tế trong triển khai thực hiện nhiệm vụ tại cơ quan, tổ chức thuộc ngành công thương.

Điều 4. Nguyên tắc, căn cứ xác định định mức biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức thuộc ngành công thương

1. Nguyên tắc xác định định mức biên chế công chức trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành công thương

a) Tuân thủ các quy định của Đảng, của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Công Thương về quản lý, sử dụng biên chế công chức;

b) Bảo đảm thống nhất, đồng bộ giữa xác định định mức biên chế với vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức;

c) Bảo đảm tính khoa học, khách quan, công khai, minh bạch, dân chủ và phù hợp với thực tiễn;

d) Gắn với tinh giản biên chế và việc cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức trong các cơ quan, tổ chức;

2. Căn cứ xác định định mức biên chế công chức trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành công thương

a) Vị trí việc làm, mức độ phức tạp và khối lượng công việc của từng vị trí việc làm;

b) Mức độ hiện đại hóa về trang thiết bị, phương tiện làm việc và ứng dụng công nghệ thông tin trong thực thi nhiệm vụ;

c) Thực tế việc sử dụng biên chế công chức được giao;

d) Quy trình quản lý chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành công thương theo quy định.

đ) Kế hoạch và lộ trình thực hiện tinh giản biên chế theo quy định của Đảng và Chính phủ.

e) Đối với các cơ quan, tổ chức thuộc ngành công thương tại địa phương (Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn về công thương thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện), ngoài căn cứ quy định nêu trên, còn căn cứ vào phạm vi quản lý, đặc điểm quy mô dân số, diện tích tự nhiên, số lượng đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã, số lượng đơn vị sự nghiệp, số lượng doanh nghiệp, các cơ sở hoạt động kinh doanh và đặc điểm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

Điều 5. Nội dung của vị trí việc làm

Một vị trí việc làm hoàn chỉnh gồm tên gọi, bản mô tả, khung năng lực vị trí việc làm.

1. Danh mục vị trí việc làm

Là tổng hợp tên gọi các vị trí việc làm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị.

2. Bản mô tả vị trí việc làm

Là diễn giải cụ thể hóa các công việc của vị trí việc làm (bao gồm mục tiêu của vị trí việc làm; các công việc và tiêu chí đánh giá hoàn thành công việc, yêu cầu năng lực; phạm vi, quyền hạn và các mối quan hệ trong công việc của vị trí việc làm).

3. Khung năng lực của vị trí việc làm

Là tập hợp các yêu cầu về trình độ, năng lực cần thiết, phù hợp để hoàn thành một vị trí việc làm gồm: Trình độ, Kỹ năng, Thái độ, Các phẩm chất khác. Mỗi vị trí việc làm khác nhau sẽ có yêu cầu năng lực khác nhau.

Chương II **XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ VIỆC LÀM CÔNG CHỨC** **NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH CÔNG THƯƠNG**

Điều 6. Phân loại vị trí việc làm

1. Theo tính chất, nội dung công việc, vị trí việc làm trong cơ quan, đơn vị hành chính thuộc ngành công thương bao gồm:

- a) Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý.
- b) Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành công thương.
- c) Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung (tài chính, kế hoạch, đầu tư, thanh tra, pháp chế, hợp tác quốc tế, tổ chức cán bộ, thi đua khen thưởng, văn phòng và một số vị trí việc làm đặc thù khác).
- d) Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ.

2. Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành công thương thực hiện theo Điều 6 Thông tư này. Vị trí việc làm lãnh đạo quản lý; vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung và vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

Điều 7. Các nhóm vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành công thương

1. Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành công thương bao gồm các nhóm cơ bản sau:

- a) Quản lý thương mại trong nước.
- b) Quản lý thương mại quốc tế.
- c) Quản lý công nghiệp.
- d) Quản lý năng lượng.
- đ) Quản lý hoá chất.
- e) Quản lý cạnh tranh.
- g) Hội nhập kinh tế quốc tế.

h) Quản lý thị trường.

2. Ngạch công chức của các vị trí việc làm chuyên ngành công thương

2.1. Đối với nhóm vị trí việc làm Quản lý thị trường, có các ngạch công chức sau:

a) Kiểm soát viên cao cấp thị trường.

b) Kiểm soát viên chính thị trường.

c) Kiểm soát viên thị trường.

d) Kiểm soát viên trung cấp thị trường.

2.2. Đối với các nhóm vị trí việc làm còn lại, có các ngạch công chức sau:

a) Chuyên viên cao cấp.

b) Chuyên viên chính.

c) Chuyên viên.

3. Căn cứ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Bộ Công Thương được áp dụng các nhóm vị trí việc làm gắn với ngạch công chức gồm các ngạch: chuyên viên cao cấp, chuyên viên chính, chuyên viên; cơ quan chuyên môn về công thương thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được áp dụng vị trí việc làm gắn với ngạch công chức gồm các ngạch: chuyên viên chính, chuyên viên; cơ quan chuyên môn về công thương thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện được áp dụng vị trí việc làm ngạch chuyên viên. Việc áp dụng (nhóm) vị trí việc làm phải đảm bảo phù hợp căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này.

Điều 8. Quy trình xác định vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức thuộc ngành công thương

1. Quy trình chung xác định vị trí việc làm

a) Bước 1: Thống kê, rà soát, phân tích công việc theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức trong đó có thông tin về sản phẩm và tiêu chí đánh giá hoàn thành công việc (Biểu số 1). Việc thống kê công việc phải tuân thủ nguyên tắc chỉ thống kê các công việc có tính chất thường xuyên, liên tục, ổn định, lâu dài, lặp đi lặp lại, bao gồm:

- Những công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức; trưởng phòng, phó trưởng phòng và tương đương của các tổ chức cấu thành;

- Những công việc thực thi, thừa hành thuộc nghiệp vụ chuyên ngành công thương của cơ quan, tổ chức;

- Những công việc thực thi, thừa hành thuộc nghiệp vụ chuyên môn dùng chung (tài chính, kế hoạch, đầu tư, thanh tra, pháp chế, hợp tác quốc tế, tổ chức cán bộ, thi đua khen thưởng, văn phòng và một số vị trí việc làm đặc thù khác);

- Những công việc thực thi, thừa hành mang tính phục vụ cho công tác lãnh đạo, quản lý, điều hành (gọi chung là công việc hỗ trợ, phục vụ).

b) Bước 2: Phân tích tổ chức để phát hiện công việc, nhiệm vụ còn chồng chéo để đề xuất điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

c) Bước 3: Phân nhóm công việc đồng thời xác định mức độ phức tạp của công việc, xác định cơ cấu ngạch công chức (Biểu số 2).

d) Bước 4: Xác định vị trí việc làm cho từng cơ quan, tổ chức bằng cách kết hợp kết quả của phân nhóm công việc, mảng công việc và mức độ phức tạp của công việc.

2. Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý; vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; vị trí việc làm hỗ trợ phục vụ

Căn cứ quy trình chung xác định vị trí việc làm quy định tại khoản 1 Điều này, người đứng đầu cơ quan, tổ chức có trách nhiệm xác định vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý; vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; vị trí việc làm hỗ trợ phục vụ thuộc cơ quan, tổ chức theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

3. Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành công thương

Căn cứ quy trình chung xác định vị trí việc làm quy định tại khoản 1 Điều này, người đứng đầu cơ quan, tổ chức có trách nhiệm xác định các vị trí việc làm cụ thể của công chức nghiệp vụ chuyên ngành công thương thuộc cơ quan, tổ chức từ nhóm vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành công thương kết hợp với ngạch công chức tương ứng được quy định tại Điều 7 Thông tư này. Trường hợp danh mục vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành công thương của cơ quan, tổ chức được xác định không thuộc nhóm vị trí việc làm quy định tại Điều 7 Thông tư này sẽ do Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét, quyết định sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ.

5. Bước 5: Xác định khung năng lực và bản mô tả vị trí việc làm.

Căn cứ danh mục vị trí việc làm được xác định hoặc phê duyệt, các cơ quan, đơn vị cụ thể hóa xây dựng bản mô tả, khung năng lực vị trí việc làm gồm các nội dung cơ bản sau: Mục tiêu vị trí việc làm; Các công việc và tiêu chí đánh giá; Các mối quan hệ công tác; Phạm vi quyền hạn; Các yêu cầu về khung năng lực gồm: yêu cầu về trình độ, phẩm chất; năng lực chung, năng lực chuyên môn, năng lực quản lý (Biểu số 3).

6. Bước 6: Hoàn chỉnh, tổng hợp danh mục, bản mô tả vị trí việc làm.

Điều 9. Trình tự phê duyệt vị trí việc làm

1. Các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Bộ Công Thương và các cơ quan chuyên môn về công thương thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ quy định tại Điều 3, Điều 5, Điều 6 và Điều 7 Thông tư này để xây dựng đề án vị trí việc làm của cơ quan, tổ chức, gửi cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 2 Điều này để thẩm định.

2. Cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ về tổ chức cán bộ của Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận hồ sơ, thẩm định đề án vị trí việc làm, tổng hợp vị trí việc làm của các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trình cấp có thẩm quyền quyết định quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Bộ trưởng Bộ Công Thương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức thuộc thẩm quyền quản lý.

Điều 10. Hồ sơ trình, nội dung và thời hạn thẩm định đề án vị trí việc làm của cơ quan, tổ chức

1. Hồ sơ trình đề án vị trí việc làm, bao gồm:

- a) Văn bản đề nghị phê duyệt đề án vị trí việc làm;
- b) Đề án vị trí việc làm;
- c) Bản sao các văn bản của cơ quan có thẩm quyền quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan, tổ chức; quy trình quản lý chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành công thương theo quy định.

2. Nội dung đề án vị trí việc làm:

- a) Cơ sở pháp lý của việc xây dựng đề án vị trí việc làm;
- b) Thông kê và phân nhóm công việc theo chức năng, nhiệm vụ, tính chất, mức độ phức tạp của từng công việc trong cơ quan, tổ chức;
- c) Xác định vị trí việc làm, gồm: Bản mô tả công việc, khung năng lực, ngạch công chức đối với từng vị trí việc làm (theo biểu mẫu kèm theo);
- d) Tổng hợp vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của cơ quan, tổ chức;
- đ) Kiến nghị, đề xuất (nếu có).

3. Nội dung thẩm định

- a) Hồ sơ trình phê duyệt đề án vị trí việc làm;
- b) Cơ sở pháp lý của việc xây dựng đề án vị trí việc làm;
- c) Vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức (căn cứ hướng dẫn của Bộ Nội vụ) của cơ quan, tổ chức.

4. Thời hạn thẩm định

Trong thời hạn 40 ngày làm việc (đối với hồ sơ đề nghị phê duyệt lần đầu), 25 ngày làm việc (đối với hồ sơ đề nghị điều chỉnh) kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ, cơ quan, tổ chức được giao trách nhiệm thẩm định Đề án vị trí việc làm quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư này phải hoàn thành việc thẩm định để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. Trường hợp cấp có thẩm quyền yêu cầu điều chỉnh hoặc không đồng ý thì cơ quan, tổ chức được giao trách nhiệm thẩm định phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 11. Điều chỉnh vị trí việc làm

1. Việc điều chỉnh vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức được thực hiện trong các trường hợp sau:

- a) Cơ quan, tổ chức có sự thay đổi một trong các căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này;
- b) Cơ quan, tổ chức được tổ chức lại theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Trình tự, hồ sơ điều chỉnh vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 8 Thông tư này kèm theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền liên quan đến việc điều chỉnh vị trí việc làm.

Điều 12. Phân công, bố trí công chức đảm nhiệm vị trí việc làm

Sau khi xác định vị trí việc làm, căn cứ nội dung công việc của công chức đang được phân công đảm nhận, cơ quan, tổ chức thực hiện đánh giá thực trạng sử dụng đội ngũ công chức như sau:

1. Rà soát, đánh giá sự phù hợp của việc phân công, bố trí, sử dụng công chức theo vị trí việc làm đảm nhận căn cứ ngạch công chức hiện giữ và mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

2. Trường hợp việc phân công, bố trí công chức không phù hợp với vị trí việc làm hiện tại (công chức không hoàn thành nhiệm vụ sau 1 năm đảm nhận vị trí việc làm), cơ quan, tổ chức xem xét, phân công, bố trí, sử dụng đội ngũ công chức đảm nhận vị trí việc làm khác thấp hơn hoặc vị trí việc làm khác có liên quan với vị trí việc làm đang đảm nhận (Khung năng lực của các vị trí việc làm này có yêu cầu về trình độ chuyên môn gần nhau).

3. Nhóm các vị trí việc làm có liên quan quy định tại khoản 2 Điều này được sử dụng làm cơ sở trong việc luân chuyển, điều động, chuyển đổi vị trí công tác của công chức trong cơ quan, tổ chức.

Chương III ĐỊNH MỨC BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC

Điều 13. Định mức số lượng công chức lãnh đạo, quản lý

1. Số lượng cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Bộ Công Thương:

a) Số lượng cấp phó của người đứng đầu tổng cục, vụ, văn phòng, thanh tra, cục thuộc Bộ được thực hiện theo quy định của Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019.

b) Số lượng cấp phó của người đứng đầu vụ, văn phòng thuộc tổng cục thuộc Bộ; phòng thuộc vụ, văn phòng, thanh tra, cục thuộc Bộ; phòng thuộc văn phòng, cục thuộc tổng cục thuộc Bộ được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ. Số lượng cấp phó của đội thuộc cục tại thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh thuộc tổng cục thuộc Bộ được thực hiện tương tự quy định về số lượng cấp phó của phòng thuộc cục thuộc Bộ. Số lượng cấp phó của đội thuộc cục tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác thuộc tổng cục thuộc Bộ thực hiện theo số lượng cấp phó của phòng thuộc chi cục thuộc cục thuộc Bộ.

2. Số lượng cấp phó của người đứng đầu các cơ quan chuyên môn về công thương thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 năm 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 năm 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 14. Định mức biên chế công chức của cơ quan, tổ chức

1. Định mức biên chế tối thiểu của cơ quan, tổ chức thuộc ngành công thương được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ và Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 năm 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 năm 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Định mức biên chế tối thiểu của đội thuộc cục thuộc tổng cục thuộc Bộ được áp dụng quy định tương đương với phòng thuộc cục thuộc tổng cục thuộc Bộ.

2. Cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Bộ Công Thương và cơ quan chuyên môn về công thương thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trên cơ sở danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc, khung năng lực, khối lượng công việc và cơ cấu ngạch công chức để xác định số lượng biên chế tối đa tương ứng với từng vị trí việc làm, từ đó xác định số lượng biên chế tối đa trong cơ quan, tổ chức.

3. Căn cứ số lượng biên chế công chức được cơ quan có thẩm quyền giao, cơ quan, tổ chức phân tích hiện trạng sử dụng biên chế trong 03 năm trước liên tiếp liền kề, lộ trình tinh giản biên chế và số lượng công chức tối đa tại khoản 2 Điều này để xác định biên chế công chức cần thiết và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch biên chế công chức hàng năm của cơ quan, tổ chức.

4. Cơ quan chuyên môn về công thương cấp huyện căn cứ tình hình biên chế được giao, bố trí ít nhất 03 biên chế công chức thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực công thương.

Điều 15. Đề nghị điều chỉnh biên chế công chức của cơ quan, tổ chức thuộc ngành công thương

1. Cơ quan, tổ chức thuộc ngành công thương căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm và biên chế công chức; Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ; Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Thông tư của Bộ trưởng

Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về công thương thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện để đề xuất việc điều chỉnh biên chế công chức trong cơ quan, tổ chức.

2. Cơ quan, tổ chức xây dựng đề án điều chỉnh biên chế công chức với các nội dung chính sau:

a) Phân tích, đánh giá việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức; thực trạng việc sử dụng biên chế công chức hiện có để thực hiện các nhiệm vụ được giao của cơ quan, tổ chức trong ít nhất 3 năm liền kề với thời điểm đánh giá.

b) Danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc, khung năng lực, khối lượng công việc và cơ cấu ngạch công chức của từng vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức.

c) Phân tích những công việc đã, đang và dự kiến phát sinh cùng với các thay đổi (khối lượng công việc dự kiến sẽ tăng lên); đề xuất điều chỉnh vị trí việc làm (nếu có) và xác định thời gian cần thiết để xử lý các công việc trên làm cơ sở đề xuất số lượng biên chế cần bổ sung.

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 16. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2021.

Điều 17. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn công thương cấp tỉnh, cấp huyện và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Công Thương để được hướng dẫn, xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của TW Đảng;
- Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo, Công TTĐTCTP;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công thông tin điện tử Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, Vụ TCCB.

BỘ TRƯỞNG

Trần Tuấn Anh

Cơ quan:.....

THÔNG KÊ CÔNG VIỆC THEO CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2021/TT-BCT ngày tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TT	CÔNG VIỆC THEO CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ	SẢN PHẨM	GHI CHÚ
(1)	(2)	(3)	(4)
I	Nhóm công việc lãnh đạo quản lý		
1	Công việc thứ nhất		
2	Công việc thứ hai		
3	Công việc khác...		
II	Nhóm công việc nghiệp vụ chuyên ngành		
1	Công việc thứ nhất		
2	Công việc thứ hai		
3	Công việc khác...		
III	Nhóm công việc nghiệp vụ chuyên môn		
1	Công việc thứ nhất		
2	Công việc thứ hai		
3	Công việc khác...		
IV	Nhóm công việc hỗ trợ phục vụ		
1	Công việc thứ nhất		
2	Công việc thứ hai		
3	Công việc khác...		

Người lập biểu

(Ký và ghi rõ họ tên)

.....ngày tháng.....năm.....

Thủ trưởng cơ quan, tổ chức

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Cột số (2) liệt kê công việc theo từng nhóm và theo chức năng, nhiệm vụ
Cột số (3) ghi sản phẩm cụ thể của từng công việc được liệt kê tại cột số (2)
Cột số (4) ghi chú và bổ sung các nội dung liên quan (nếu có)

Cơ quan.....

**PHÂN NHÓM CÔNG VIỆC CÔNG CHỨC TRONG CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH
THUỘC NGÀNH CÔNG THƯƠNG**

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2021/TT-BCT ngày tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TT	Nhóm công việc	Công việc cụ thể	Mức độ phức tạp của công việc ¹				
			1	2	3	4	5
I	Nhóm công việc lãnh đạo, quản lý						
1	Cấp trưởng	Lãnh đạo, điều hành toàn bộ hoạt động của cơ quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao Chủ trì xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch công tác theo nhiệm kỳ, năm, quý tháng, tuần của cơ quan Quản lý nhân lực, tài sản của cơ quan theo phân cấp. Phân công xử lý văn bản đến, phê duyệt văn bản đi Tham gia các tổ chức (ban chỉ đạo, đoàn công tác, tổ công tác...) và dự họp theo quy chế làm việc					
2	Cấp phó						
II	Nhóm công việc nghiệp vụ chuyên ngành						
1	Mảng công việc 1						
2	Mảng công việc 2						
III	Nhóm công việc nghiệp vụ chuyên môn						
1	Mảng công việc 1						
2	Mảng công việc 2						
IV	Nhóm công việc hỗ trợ, phục vụ						
1	Mảng công việc 1						
2	Mảng công việc 2						

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ tên)

....ngày tháng.....năm.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN TỔ CHỨC
(Ký và ghi rõ họ tên)

¹ Mức độ phức tạp của công việc có thể chia thành các nhóm tương ứng với các tiêu chuẩn ngạch công chức. Tiêu chí mức độ phức tạp của từng công việc được thống nhất trong cơ quan, đơn vị.

Cơ quan:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN MÔ TẢ VỊ TRÍ VIỆC LÀM

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2021/TT-BCT ngày tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Tên VTVL:		Mã vị trí việc làm:
		Ngày bắt đầu thực hiện:
Địa điểm làm việc:	(Địa chỉ trụ sở cơ quan).	
Quy trình công việc liên quan:	(tên tài liệu, quy trình công việc liên quan đến vị trí này)	

1- Mục tiêu vị trí việc làm: (Tóm tắt tổng quan về vị trí việc làm)

2- Các công việc và tiêu chí đánh giá

TT	Các công việc		Tiêu chí đánh giá hoàn thành công việc
	Mảng công việc	Công việc cụ thể	
2.1	Tham mưu xây dựng văn bản		
2.2	Hướng dẫn		
2.3	Kiểm tra		
2.4	Thẩm định các đề án công tác và nghiệp vụ liên quan		
2.5	Nghiên cứu xây dựng các đề án cấp nhà nước về lĩnh vực Quản lý năng lượng		
2.6	Phối hợp thực hiện		
2.7	Thực hiện nhiệm vụ chung, hội họp		
2.8	Xây dựng và thực hiện kế hoạch công tác năm, quý, tháng, tuần của cá nhân		
2.9	Thực hiện các nhiệm vụ khác do cấp trên giao.		

3. Các mối quan hệ trong công việc

3.1- Bên trong

Được quản lý trực tiếp và kiểm duyệt kết quả bởi	Quản lý trực tiếp	Các đơn vị phối hợp chính
	•	•

3.2- Bên ngoài

Ban, bộ, ngành, địa phương có quan hệ chính	Bản chất quan hệ
	•
	•

4- Phạm vi quyền hạn

TT	Quyền hạn cụ thể
4.1	
4.2	
4.3	
4.4	
4.5	

5- Các yêu cầu về trình độ, năng lực

5.1- Yêu cầu về trình độ

Nhóm yêu cầu	Yêu cầu cụ thể
Trình độ đào tạo	• •
Bồi dưỡng, chứng chỉ	•
Kinh nghiệm công tác (thành tích công tác)	•
Phẩm chất cá nhân	•
Các yêu cầu khác	•

5.2- Các năng lực

Nhóm năng lực	Tên năng lực	Cấp độ
Nhóm năng lực	• Đạo đức và bản lĩnh	

chung	• Tổ chức thực hiện công việc	
	• Kỹ thuật soạn thảo và ban hành văn bản	
	• Giao tiếp ứng xử	
	• Quan hệ phối hợp	
	• Sử dụng công nghệ thông tin	
Nhóm năng lực chuyên môn	• Khả năng chủ trì tham mưu xây dựng chủ trương, nghị quyết	
	• Khả năng hướng dẫn thực hiện chủ trương, nghị quyết	
	• Khả năng kiểm tra thực hiện chủ trương, nghị quyết	
	• Khả năng thẩm định các văn bản, đề án của các cấp	
	• Khả năng phối hợp thực hiện các chủ trương, nghị quyết	
Nhóm năng lực quản lý	• Tư duy chiến lược	
	• Quản lý sự thay đổi	
	• Ra quyết định	
	• Quản lý nguồn lực	
	• Phát triển nhân viên	

Phê duyệt của lãnh đạo